

# Một số kinh nghiệm về phương pháp học tập ở bậc Đại học

Vũ Thị Thùy Dung

Học viện Hành chính Quốc gia  
77 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam  
Email: thuydungvanban@gmail.com

**TÓM TẮT:** Nhằm mục đích chia sẻ một số kinh nghiệm về phương pháp học tập ở trình độ đào tạo đại học, bài viết giúp các đối tượng ở trình độ này, đặc biệt là sinh viên hệ chính quy có thêm những kỹ năng cần thiết để tiếp cận chương trình đào tạo mà mình theo đuổi. Từ việc trình bày bản chất của loại hình đào tạo đại học trong mối tương quan và sự khác biệt với loại hình đào tạo ở bậc phổ thông làm tiền đề, tác giả chia sẻ kinh nghiệm về một số phương pháp học tập ở trình độ đào tạo đại học như: Tự học tự nghiên cứu, học với tư cách học thành chuyên gia về nghề, học với tư cách nghiên cứu khoa học và phát minh sáng chế... Qua đó, người học có thể tự tin, chủ động tiếp cận và biết vận dụng các phương pháp trong học tập và nghiên cứu khoa học một cách hiệu quả.

**TỪ KHÓA:** Kinh nghiệm; phương pháp học tập; bậc Đại học.

→ Nhận bài 05/3/2019 → Nhận kết quả phản biện và chỉnh sửa 12/4/2019 → Duyệt đăng 25/5/2019.

## 1. Đặt vấn đề

Học tập không phải là công việc dễ dàng và có thể thực hiện trong thời gian ngắn mà là một quá trình tiếp nhận tri thức lâu dài, đầy khó khăn và thử thách. Muốn có được thành công trong học tập, người học phải luôn kiên trì, bền bỉ, nỗ lực hết mình. Chìa khóa thành công đối với sinh viên (SV) đại học (ĐH) trong quá trình này là xác định và tìm ra phương pháp học tập của bản thân sao cho phù hợp với trình độ của ĐH và ngành học mà mình theo đuổi. Bởi vì ở trình độ này, người học phải nắm được lượng kiến thức nhiều nhất có thể trong khoảng thời gian có hạn của chương trình cũng như của chuyên đề, môn học. Vì vậy, tìm ra phương pháp học tập hiệu quả giúp người học, đặc biệt là SV chính quy khi bước vào ngưỡng cửa của trường ĐH là vô cùng cần thiết. Để chia sẻ các phương pháp học tập ở bậc ĐH, bài viết trình bày những vấn đề thuộc về bản chất và mục tiêu của hệ đào tạo ĐH, đồng thời chỉ ra sự tương đồng và khác biệt giữa đào tạo ĐH so với đào tạo ở bậc phổ thông vốn đã quen thuộc với người học, từ đó đề xuất một số các phương pháp học cụ thể về việc học tập.

Các phương pháp chủ yếu được tác giả áp dụng trong bài viết gồm: Phân tích, tổng hợp; so sánh; khảo sát thực tiễn. Ưu điểm của phương pháp phân tích tổng hợp là dễ dàng chỉ ra bản chất của việc học tập ở bậc ĐH và phổ thông, nhận diện rõ ràng các phương pháp học tập cụ thể được chia sẻ trong bài viết. Cùng với đó, phương pháp so sánh cũng được tác giả sử dụng xuyên suốt. Ưu điểm của phương pháp này là giúp người đọc thấy được sự tương đồng, khác biệt giữa hai loại hình đào tạo ĐH và phổ thông, từ đó có cái nhìn toàn diện, sâu sắc, đúng bản chất về phương pháp học tập ở trường ĐH và áp dụng nó. Nhân mạnh ý nghĩa thực tiễn và mong muốn đóng góp một tài liệu tham khảo tốt cho SV các trường ĐH, tác giả cũng chú trọng sử dụng phương pháp khảo sát thực tiễn...

## 2. Nội dung nghiên cứu

### 2.1. Bản chất việc học tập ở bậc Đại học

Bản chất của quá trình đào tạo ĐH và đào tạo phổ thông trùng nhau ở hoạt động “dạy” và “học” nhưng khác nhau về mục tiêu; đối tượng người học và trách nhiệm xã hội của người học; điều kiện học tập, thí nghiệm, thực hành; quan hệ với nền sản xuất và kinh tế chính trị xã hội... Chính vì vậy, nó đòi hỏi phương pháp học của hai loại hình đào tạo này là không giống nhau. Vậy, bản chất của học ĐH là gì? Hiểu được điểm khác biệt đối với giáo dục phổ thông vốn đã quen thuộc, để từ đó có phương pháp tiếp cận phù hợp với nội dung ở bậc ĐH là nhiệm vụ của người học.

Ở trình độ đào tạo phổ thông, mục tiêu là trang bị các nhóm kiến thức phổ thông của các ngành khoa học, được sự phạm hóa thành môn học, bài học phù hợp với lứa tuổi học sinh phổ thông, cụ thể là: Nhóm những kiến thức và kỹ năng cơ bản (đọc, viết, tính toán, những kiến thức cơ bản của các môn học phổ thông); Nhóm các kỹ năng tư duy (biết cách suy luận, phát hiện, giải quyết vấn đề, biết cách học, cách tự học, có tư duy sáng tạo...); Nhóm các phẩm chất nhân cách và đạo đức (có lòng tự tin, có ý thức và tinh thần trách nhiệm, trung thực, biết tự quản lý và làm chủ được bản thân, có đời sống nội tâm phong phú và nhân cách cao cả...).

Đặc điểm nổi bật của giáo dục phổ thông là *toàn diện, cơ bản, vững chắc, thống nhất*. Đó là cấp học bắt buộc, quyền lợi được hưởng của thế hệ trẻ trong một nước văn minh.

Tính chất bao trùm của bậc học phổ thông là tính nền tảng, toàn diện của văn hóa khoa học. Nó bao gồm cả khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, giáo dục thể chất, thẩm mỹ. Nói gọn lại, đó là: Trí, Đức, Thể, Mĩ, trong đó chỉ chọn những kiến thức cơ bản, vững chắc, thống nhất.

Phương pháp học tập ở phổ thông thiên về nhận thức định tính là chính, có thầy dẫn dắt cụ thể từng bài. Học sinh (HS) lần theo con đường các nhà khoa học đã phát minh để lĩnh

hội và thực hành bài học. Học tập ở phổ thông chủ yếu là cách nhận thức (học) lại con đường đã phát minh và tập (rèn luyện) để nắm chắc những nội dung kiến thức ấy, dù có liên hệ thực tế thì cũng chủ yếu nhằm để nắm chắc kiến thức cơ bản, không phải nhằm để phát minh ra cái mới. Như vậy, tính sáng tạo trong phương pháp học ở phổ thông là tính sáng tạo để nhận thức, không phải sáng tạo để làm nhiệm vụ phát minh.

Sau khi tốt nghiệp phổ thông, HS được xác nhận là đã có nền tảng văn hóa toàn diện, có đủ năng lực học bất cứ một ngành học chuyên sâu hoặc cao hơn. HS buộc phải chọn một ngành học dẫn đến một nghề cụ thể, chọn khối thi tự nhiên hay xã hội hoặc giao thoa hai khối, chọn một trường ĐH cụ thể, một khoa cụ thể... Như vậy, HS đã từ bỏ cấp học toàn diện để gia nhập vào cấp học chuyên ngành, chuyên sâu là ở trình độ đào tạo ĐH. Đó là sự thay đổi cả về mục tiêu, nội dung và phương pháp học.

Ở bậc ĐH, không dừng lại ở mục đích giúp người học có hiểu biết cơ bản về các phát minh sẵn có của các ngành khoa học như ở đào tạo phổ thông hoặc chỉ cần nắm quy trình, thao tác, kỹ năng tạo ra sản phẩm cụ thể như trong đào tạo nghề. Bản chất của đào tạo ĐH là học một chuyên ngành khoa học cụ thể với tư cách đào tạo chuyên gia của một nghề. Theo đó, SV vừa phải nắm chắc lý thuyết khoa học về nghề mình đã chọn, đồng thời phải giải thích, chỉ ra được các quy trình, thao tác, kỹ năng tạo ra một sản phẩm cụ thể trên cơ sở của những nguyên lý khoa học. Bởi mục tiêu chung ở bậc ĐH là hướng đến việc nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài, nghiên cứu công nghệ khoa học tạo ra tri thức, sản phẩm mới, phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế xã hội, quốc phòng, an ninh hay đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức, kiến thức, kỹ năng phục vụ nghề nghiệp, năng lực nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ tương xứng với trình độ đào tạo... Và mục tiêu riêng là có kiến thức chuyên môn toàn diện, nắm vững nguyên lý, quy luật tự nhiên, xã hội và có năng lực thực hành cơ bản, có năng lực làm việc độc lập sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc ngành đào tạo.

Nội dung đào tạo ở ĐH là việc hệ thống những tri thức khoa học, tri thức kỹ thuật về cách thức hoạt động trí óc, hoạt động chân tay liên quan đến ngành nghề nhất định; Hệ thống những kỹ năng, kỹ xảo và nghề nghiệp trong tương lai cũng như về nghiên cứu khoa học và tự học; Những kinh nghiệm hoạt động sáng tạo; Những chuẩn mực về thái độ đối với tự nhiên, đối với xã hội, đối với con người và đối với bản thân.

Hoạt động dạy và học của đào tạo ở ĐH xoay quanh ba đối tượng: Giảng viên, giáo trình và SV. Mối quan hệ giữa giảng viên, giáo trình và SV đối với việc học tập ở ĐH được hiểu là giảng viên phần lớn là các nhà khoa học có học hàm, học vị nhất định. Nhiều giảng viên vừa là tác giả soạn sách, tác giả đề tài khoa học, vừa giảng dạy chính bộ sách của mình. Trong trường hợp này, mỗi lần giảng viên dạy là một lần giảng viên công bố công trình khoa học của mình. Vì vậy, giảng viên dạy ĐH chỉ quan tâm đến việc thuyết

giảng đề tài khoa học của mình hoặc giáo trình với tư cách là một đề tài khoa học, là chính. Giảng viên chỉ cần chú ý đến nội dung thuyết trình của mình có logic, có hấp dẫn, có hùng biện hay không mà ít quan tâm đến việc người nghe có nghe hay không hoặc sĩ số SV đủ hay thiếu. Giáo trình là tài liệu nghiên cứu chính của SV. Nắm chắc trước giáo trình được coi là khâu quan trọng trong quá trình tiếp cận từng môn học cụ thể. Việc nghe giảng chỉ là một khâu. Giảng viên có thể giảng thứ tự theo giáo trình, có thể chỉ trích ra một phần để nói sâu hơn, rộng ra. Do đó, quá trình học ĐH có thể nghe trực tiếp trên giảng đường, có thể học hàm thụ, học tại chức, học từ xa,... Có người nói “Việc tôi dạy cái gì cũng quan trọng nhưng không quan trọng bằng những sách mà tôi chỉ cho SV đọc”.

SV là người đã trưởng thành, có năng lực tự học, tự nghiên cứu, tự quản lý bản thân theo mục tiêu học tập. Giảng viên chỉ hướng dẫn cách học mà không quản lý quá trình học của người học. SV ĐH dưới sự dẫn dắt của giảng viên sẽ tự giác lĩnh hội tri thức, kỹ năng làm phong phú vốn hiểu biết của mình. Trong quá trình tiếp cận tri thức khoa học, SV phải luôn chủ động tiếp thu, biết sáng tạo, phê phán, phủ định, hoài nghi, phản biện vấn đề... SV cần được tham gia các công trình nghiên cứu khoa học. Hoạt động này giúp SV vận dụng tri thức khoa học, phương pháp nghiên cứu, phẩm chất, tác phong của nhà nghiên cứu để giải quyết một cách khoa học các vấn đề của thực tiễn đời sống đặt ra. SV không còn dừng lại ở việc tiếp thu thụ động tri thức khoa học như HS phổ thông mà được coi như những nhà khoa học phát minh ra tri thức mới.

Ở trình độ ĐH, các đối tượng như giảng viên, giáo trình, SV có thể tách rời nhau, không cần gắn với nhau trên giảng đường như ở lớp học phổ thông. Cho nên, việc *tự học, tự nghiên cứu* giáo trình, tự mở rộng tài liệu tham khảo nhằm nắm chắc ngành nghề khoa học ấy là bản chất của cách học ĐH.

Như vậy, xuất phát từ mục tiêu đào tạo, nội dung đào tạo và đối tượng người học ở trình độ ĐH, có thể thấy bản chất của việc học ở ĐH là quá trình nhận thức có tính nghiên cứu của SV dưới sự hướng dẫn của giảng viên, luôn nhấn mạnh đến *sự tự giác* và *sự tự chịu trách nhiệm* về kết quả học tập của mỗi cá nhân; là quá trình trung gian giữa HS phổ thông và nhà khoa học.

## 2.2. Phương pháp học tập ở bậc Đại học

Trong nghiên cứu khoa học, khái niệm phương pháp là vấn đề khá quen thuộc đối với nhiều ngành và lĩnh vực. Thuật ngữ phương pháp trong tiếng Hi Lạp là “Methodos” có nghĩa là con đường, cách thức hoạt động nhằm đạt được mục đích nhất định. Theo Bách khoa toàn thư mở Wikipedia thì phương pháp “Là một thủ tục hay quy trình có tính hệ thống, thứ tự để đạt đến một số mục tiêu nào đó”. Với Nguyễn Thiện Thắng trong “Một số vấn đề về cơ bản về phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục” thì “Phương pháp là cách thức con người sử dụng để đạt được mục đích” [1], [2]. Ở một loạt các công trình nghiên cứu khác, phương pháp cũng thường được hiểu là: Hệ thống các cách

sử dụng để tiến hành một hoạt động nào đó; là cách thức, con đường, biện pháp để thực hiện một hoạt động nhằm đạt được hiệu quả cao nhất; cách thức, con đường, phương tiện để đạt mục đích nhất định, giải quyết những nhiệm vụ nhất định trong nhận thức và trong thực tiễn... Vì vậy, có thể hiểu phương pháp là cách thức, biện pháp sử dụng để tiến hành một hoạt động nào đó nhằm đạt được hiệu quả cao.

Nếu như học tập được hiểu là để đem lại những hiểu biết, để có các kỹ năng và gặt hái được tri thức cho bản thân thì phương pháp học tập thường hướng đến cách hiểu là những cách thức hay đường lối học hành mà khi chúng ta đầu tư vào học tập với những khoảng thời gian hợp lý và mang lại hiệu quả cao. Giúp người học hiểu rõ và nắm bắt được nội dung của bài học thì được gọi là phương pháp học tập. Nói một cách ngắn gọn, phương pháp học tập là cách học sao cho ít tốn thời gian nhất nhưng lại hiệu quả nhất.

Xuất phát từ đối tượng học ở bậc ĐH được coi là người trưởng thành và bản chất của việc dạy và học ở ĐH luôn nhấn mạnh đến *sự tự giác* và *sự tự chịu trách nhiệm* về kết quả học tập của mỗi cá nhân. Cùng với nguyên tắc của phương pháp dạy lại là “lấy bài giảng là trung tâm” (khác với nguyên tắc của phương pháp dạy là “lấy học sinh làm trung tâm” ở phổ thông). Ở đó, SV phải tự biến mình thành trung tâm và buộc phải đề cao năng lực *tự học*, *tự nghiên cứu*. Vì vậy, phương pháp học tập ở bậc ĐH chính là người học làm thể nào để *tự nỗ lực mà đạt kết quả cao nhất trong học tập*.

### 2.3. Một số kinh nghiệm về phương pháp học tập ở bậc Đại học

#### a. SV tự học, tự nghiên cứu

Thực ra, đây vừa là phương pháp học, vừa là sự phân vai của 04 đối tượng: Giáo trình, thầy dạy, tham khảo thực hành và SV. Trong đó, SV (tức người học) là chủ thể tự học tự nghiên cứu, là đặc thù bản chất bao trùm của phương pháp học ĐH. Nếu bỏ nguyên tắc, phương pháp này đi thì trường ĐH sẽ trở thành trường phổ thông “cấp bốn”. Khác với việc học ngoài xã hội, sự tự học tự nghiên cứu của SV, dù gần, dù xa đều ở dưới cái bóng của thầy hướng dẫn. Đó là một thuận lợi. Vậy, phạm vi và đối tượng tự học tự nghiên cứu của SV là gì?

**Tự nghiên cứu giáo trình:** Mỗi học trình, giảng viên đều có hướng dẫn tổng lượng kiến thức, thư mục tham khảo, thời lượng dành cho lên giảng đường, đọc giáo trình, đọc tham khảo, làm bài tập, đi thực tế, Xêmina, thi, kiểm tra... Đó là kế hoạch dạy và học, là thời gian biểu và thời khóa biểu. Trong đó, giáo trình là định lượng làm căn cứ để dạy, để học, để ra đề thi đánh giá. Vì thế, SV phải nắm được giáo trình để biến thành trình độ, thành bản lĩnh của mình càng sớm, càng sâu càng tốt.

Một bộ giáo trình in trên giấy (hoặc băng đĩa) chỉ là một bộ thứ nhất. Nhưng khi đến tay SV, lập tức nó biến thành 3 bộ. Bộ thứ hai là bộ giáo trình hình thành khi thầy giảng trên giảng đường, có thể theo thứ tự nội dung như bộ đã in, nhưng được giải nghĩa sâu rộng hơn, hoặc đã được lướt xoáy theo chủ ý nhấn mạnh của thầy, hoặc coi như SV đã nắm được giáo trình đã in, thầy mở rộng và nâng cao những

vấn đề mới cập nhật...

Bộ giáo trình thứ ba, là sự tổng hợp linh hoạt của SV qua hai bộ nói trên, cùng với tài liệu tham khảo và các hoạt động nhận thức và thực hành khác. Bộ giáo trình thứ ba này mới thực sự trở thành kiến thức, bản lĩnh, là mục tiêu của SV.

Ở trình độ phổ thông, ba đối tượng sách giáo khoa, thầy dạy, trò học được gắn kết với nhau trên tiết học thông qua nguyên tắc dạy học “lấy học sinh làm trung tâm”, dạy học trên cơ sở HS có sách giáo khoa, hoạt động song phương cả thầy và trò trên lớp. Ở bậc ĐH, ba đối tượng trên gắn kết với nhau rất lỏng lẻo về hình thức, chỉ liên kết “ngầm” với nhau. Vì thế, mới có thể học hàm thụ, học ĐH từ xa... Chính bản thân SV phải tự liên kết hai bộ giáo trình nói trên, cùng tài liệu tham khảo, và các hoạt động nhận thức và thực hành khác để “soạn” ra bộ giáo trình thứ ba cho riêng mình. Từ những nhận thức trên, có thể thấy việc tự nghiên cứu giáo trình vừa là nguyên tắc vừa là phương pháp tiên quyết học ĐH, gồm các nội dung sau:

- Đọc lướt giáo trình trước khi nghe giảng: Chú ý phần mở đầu và kết luận, để có thể tóm tắt tinh thần của giáo trình; Ghi hệ thống lập luận thông qua các đề mục (lưu ý đánh dấu các điểm thắc mắc để chú ý theo dõi khi nghe giảng); ghi nhớ các ví dụ, các công thức điển hình, các tên nước ngoài khó đọc...

- Đọc kỹ và bổ sung vào giáo trình sau khi nghe giảng hoặc đọc tài liệu tham khảo.

- Tự trả lời các câu hỏi xêmina, thử soạn các câu hỏi kiểm tra.

- Liên hệ thực tế.

**Tự giác nghe giảng:** Thông thường, SV coi nghe giảng để giải mã kết cấu và nội dung của giáo trình nhưng thực tế không hoàn toàn như vậy. Bài giảng có thể như thế, cũng có thể là bài mở rộng, hoặc bổ sung sâu hơn. Vì thế khâu lên giảng đường có 03 hoạt động: Nghe giảng, ghi chép và thảo luận. Như vậy, nghe giảng thực chất là đối chiếu bài giảng của thầy với giáo trình, xem chỗ nào trùng, chỗ nào ngoài giáo trình. Từ đó, liên quan đến hoạt động ghi chép và thảo luận. Cách ghi chép thông minh nhất là ghi chép theo sơ đồ lập luận và chỉ ghi những nét cần thiết nhất; đặc biệt phải ghi được lời hướng dẫn học tập của thầy. Tự nghe hiểu bài giảng và tự ghi chép bài ở bậc ĐH là điểm khác với hoạt động song phương trên lớp ở cấp học phổ thông.

**Tự nghiên cứu tài liệu tham khảo:** Tài liệu tham khảo có 03 loại chính. Một là, tài liệu do GV hướng dẫn, loại do SV tự tìm có chủ định, loại cập nhật trên sách báo hằng ngày. Hệ thống logic và nội dung kiến thức của giáo trình chính là định hướng cho việc chọn tài liệu tham khảo. Ba loại tài liệu tham khảo trên sẽ trở thành thư mục tham khảo của SV. Đây chính là thư mục tham khảo cho việc nghiên cứu đề tài sau này của SV.

SV dựa vào giáo trình để phân loại tài liệu tham khảo theo những tiêu chí nhất định; đọc, ghi chép những thông tin cần thiết cho môn học và chuẩn bị cho nghiên cứu đề tài sau này; những trích dẫn nguyên văn phải ghi chính xác theo



cách nghiên cứu khoa học: Tên tác giả, tên tác phẩm, nhà xuất bản, nơi xuất bản, năm xuất bản...

Hệ thống kiến thức trong giáo trình tạo nên bộ khung cơ thể cho kiến thức mà SV thu hoạch được của học trình ấy. Tài liệu tham khảo không những bồi bổ cho bộ khung ấy, mà còn lí giải thêm, mở rộng và nâng cao cho kiến thức giáo trình. Nó còn là cầu nối cho giáo trình liên hệ với thực tiễn, đồng thời cung cấp tư liệu phản biện cho giáo trình được sâu thêm.

### *b. Học với tư cách học thành chuyên gia về nghề*

Học ĐH ở một khoa nào đó chính là học nghề ấy ở tầm kĩ sư, tức ở bậc thầy về nghề ấy. Người thợ sơ cấp, trung cấp nghề phải nắm chắc quy trình và kĩ năng tạo ra sản phẩm là chính, không quan tâm đến lí thuyết. SV ĐH không những phải am hiểu những điều này mà phải nắm được lí thuyết với tư cách là một khoa học về nghề, thành chuyên gia về nghề ấy. Cho nên, phương pháp học ĐH của SV *phải nắm chắc lí thuyết và luôn luôn phải liên hệ thực tiễn sản xuất ra sản phẩm*. Nếu không, SV sẽ chỉ có lí thuyết suông.

Ví dụ, người dược tá (sơ hoặc trung cấp) khi chế thuốc CHLOROCINA-H, họ chỉ căn cứ vào công thức mà pha các chất Chloramphenicol 0,04g, Hydrocortisone acetate 0,03g, Tá dược 4g. Và khi học, họ cũng chỉ cần học như thế là đủ. Nhưng SV dược sĩ cao cấp, học ĐH dược 06 năm thì phải nắm chắc lí thuyết về tính năng của từng loại hóa chất, tương tác của chúng, công dụng, liều lượng, chỉ định, chống chỉ định... đồng thời xác định công thức cho loại thuốc này hoặc thuốc kia. Do đó, người dược sĩ vừa làm thầy vừa chỉ đạo được thợ.

Lưu ý rằng, dung lượng của giáo trình chủ yếu là tập trung vào lí thuyết khoa học, thật cần thiết mới có đôi điều liên hệ thực tiễn. Do đó, liên hệ lí thuyết với thực tiễn là việc làm chính trong phương pháp học ĐH của SV. Khai thác triệt để phương pháp học ĐH này, SV sẽ giỏi nhanh.

### *c. Học với tư cách nghiên cứu khoa học và phát minh sáng chế*

Học phổ thông chủ yếu là “phát minh lại” những công trình khoa học đã được phát minh rồi, đã được thống nhất công nhận. Nắm được con đường đi đến và kết quả của công trình khoa học ấy (ở mức phổ thông) đã là xuất sắc. Do đó, nhược điểm cũng là đặc điểm của phương pháp học phổ thông là “rập khuôn”. Sự “rập khuôn” ở trình độ phổ thông là cần thiết. Ví dụ, học một định luật vật lí, trước hết phải nắm được thí nghiệm, nhận xét về thí nghiệm ấy, rút ra định luật, thiết lập công thức. Đây là quá trình “rập khuôn” đương nhiên, không thể khác.

Vậy tính sáng tạo trong bậc học phổ thông là gì? Sáng tạo trong tư duy nhận thức của quá trình “rập khuôn” ấy. Cái khuôn ấy không thể thay đổi được mà chỉ sáng tạo ra sự thay đổi trong tư duy nhận thức nó mà thôi. Ví dụ, sáng tạo trong tư duy làm bài tập, nêu lên nhiều cách giải, chọn ra cách tối ưu. Sáng tạo trong liên hệ thực tế. Dùng kiến thức của định luật này để lí giải một hiện tượng thực tế nào đó rồi có hành động ứng xử. Ví dụ, sự phóng điện trong mây giông, tức sét đánh. Từ đó, trời mưa không được mở cửa cho

hơi nước ulla vào trong nhà, sẽ dẫn tia lửa điện vào theo. Vậy khi mưa giông phải đóng cửa. Đó là sự sáng tạo trong phạm vi phổ thông. Sự sáng tạo trong phương pháp học phổ thông chủ yếu là sự sáng tạo trong nhận thức, chưa phải sáng tạo cho một nghề cụ thể. Sự sáng tạo ở bậc Phổ thông chỉ là một sự chuẩn bị. Học xong bậc phổ thông, HS mới “cải tạo xong bản thân mình”, chưa yêu cầu cải tạo xã hội.

Do đó, sự sáng tạo trong bậc học phổ thông mới chỉ là sự sáng tạo trong nhận thức là chính. Học ĐH không giới hạn như vậy. Người học đồng thời cũng là một lực lượng nghiên cứu khoa học và phát minh sáng chế ở mức độ nhất định. SV có thể theo thầy ở trong một nhóm nghiên cứu đề tài khoa học nào đó, có thể “làm thêm” đề tài ở một cơ sở thực tế.

Chính vì vậy, phương pháp học ĐH không chỉ “rập khuôn” mà luôn luôn phải kết hợp với hình thành đề tài nghiên cứu và từng bước nghiên cứu khoa học, phát minh sáng chế. Sự sáng tạo trong phương pháp học ĐH khác phương pháp học phổ thông ở chỗ không chỉ là sáng tạo trong nhận thức “cái cũ” mà là *sáng tạo phát minh ra “cái mới”*. “Cái mới” này có ý nghĩa cải tạo xã hội.

Ví dụ, một SV Việt Nam trong quá trình học đã làm được đề tài quy trình và công thức sản xuất dầu gấc, được nhà đầu tư công nhận và được đăng kí mua bản quyền sản xuất thành mặt hàng. Đây chính là kết quả của phương pháp học ĐH với tư cách kết hợp vừa học vừa nghiên cứu khoa học và phát minh sáng chế của SV này. Học ở ĐH, điều kiện thuận lợi, thời gian học dài, từ 04 đến 05 năm, ngành Y Dược học 06 năm, thêm chuyên khoa I là 9 năm, nếu không tận dụng phương pháp học ĐH như trên thì đó là một sự lãng phí rất lớn.

### *d. Cách ghi nhớ và tư duy sáng tạo*

Tư duy của HS phổ thông thiên về tư duy hiện tượng. Tư duy của SV thiên về tư duy bản chất, tư duy triết học, nhưng không có bản chất nào lại không được khái quát từ hiện tượng. Vì thế, tư duy của SV liên hoàn từ ghi nhớ hiện tượng đến khái quát bản chất, đến động cơ hành động sáng tạo và kết hợp chúng lại - hoàn thiện một quá trình tư duy.

#### **Ghi nhớ:**

- *Ghi nhớ hiện tượng:* Lượng ghi nhớ của SV ĐH rất nhiều và phức tạp. Có quan điểm cho rằng, ghi nhớ hiện tượng không quan trọng bằng tư duy khái quát. Điều đó chỉ đúng ở một góc độ nào đó. Nếu không nhớ được hiện tượng thì không còn gì để khái quát. Và lại, có những ngành học việc ghi nhớ được các hiện tượng là vô cùng quan trọng.

Ví dụ: Ngành Y, thầy thuốc phải thuộc lòng tỉ mỉ giáo trình bệnh học và dược học, mới có thể khám bệnh và kê đơn. Hiện tượng và ghi nhớ hiện tượng quan trọng và nhiều nên SV phải có cách ghi nhớ phù hợp với bậc học ĐH.

#### *- Ghi nhớ máy móc và ghi nhớ hệ thống:*

*Ghi nhớ máy móc:* Là ghi nhớ hiện tượng đơn lẻ, buộc phải học thuộc lòng. Để dễ thuộc, người ta thường lập cho hiện tượng đó một hệ thống hoặc một ý nghĩa.

*Ghi nhớ hệ thống:* Hệ thống thời gian (quá khứ, hiện tại, tương lai), hệ thống không gian ba chiều (rộng, dài và cao),

hệ thống logic tư duy.

**Tư duy sáng tạo:** Tư duy hiện tượng, ghi nhớ là công nhận hiện tượng ấy. Còn tư duy sáng tạo bắt đầu từ bước khái quát các hiện tượng quy thành bản chất và thúc đẩy thành động cơ hành động. Như vậy, phải đến “động cơ hành động” mới hoàn thành bước tư duy sáng tạo.

Tóm lại, phương pháp học ĐH về tư duy phải liên hoàn từ ghi nhớ hiện tượng đến khái quát bản chất, đến động cơ hành động sáng tạo và kết hợp chúng lại.

*e. Học phải luôn luôn phản biện*

Trở lại nhận định gần đủ nhưng đúng là: Học phổ thông nhằm cải tạo bản thân là chính, học ĐH nhằm cải tạo xã hội là chính. Do đó, phương pháp học ĐH phải luôn luôn gắn liền quá trình học với tư duy phản biện. Nếu chỉ công nhận Niu-ton là một đỉnh cao tuyệt đối và yên trí như vậy thì không thể có Anhxtanh. Nếu chỉ yên trí là mặt đất phẳng thì không thể có Brunô, Galilê và Magienlăng.

Sau toán học Óclit, còn có toán học Phi Óclit nữa ... SV phải tập làm người “Dám hấn”. Nghĩa là, trong quá trình

học vừa phải công nhận “nó là như thế, đã hay nhưng nó không là như thế, có cái còn hay hơn”; đồng nghĩa với việc học để học nhưng học còn để phản biện.

### 3. Kết luận

Bậc ĐH không chỉ dạy cho SV kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp mà điều quan trọng hơn là ở bậc ĐH có thể dạy cho SV phương pháp tư duy trong học tập để SV tự cập nhật và nâng cao kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp.

Câu hỏi làm thế nào để học tốt ở bậc ĐH chính là việc tìm ra phương pháp học cho phù hợp với mục tiêu của trình độ này. Đây là việc rất quan trọng đối với người học, đặc biệt là SV chính quy - đối tượng vừa bước lên từ phổ thông, có sự khác biệt về mục tiêu đào tạo. Hiểu bản chất của giáo dục ở bậc ĐH, tìm ra phương pháp học hiệu quả, người học sẽ không bị bỏ ngỡ, thích hợp nhanh, tiết kiệm được thời gian, tận dụng được thời cơ để nâng cao chất lượng và kết quả học tập là một khởi đầu tốt sẽ giúp SV bám trụ lâu dài và dẫn các em đến với thành công.

#### Tài liệu tham khảo

- |  |   |
|--|---|
| [1] Trương Liêm, (2005), <i>Làm thế nào để học giỏi</i> , NXB Trẻ.                                   | [7] Huỳnh Ngọc Phiên, <i>Bí quyết thành công khi là sinh viên</i> , NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.   |
| [2] Nhiều tác giả, <i>Để thành công khi học đại học</i> , NXB Văn hóa.                               | [8] Trường Đại học Văn hiến, <i>Kỹ năng học tập bậc Đại học</i> , Tài liệu môn học Kỹ năng mềm (Lưu hành nội bộ).   |
| [3] Vũ Cao Đàm, (2006), <i>Phương pháp luận nghiên cứu khoa học</i> , NXB Khoa học Kỹ thuật, Hà Nội. | [9] Nguyễn Thiện Thắng, <i>Một số vấn đề về cơ bản về phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục</i> , <a href="http://www.cdsprvt.edu.vn/news/uploads/PP">www.cdsprvt.edu.vn/news/uploads/PP</a> . |
| [4] Đặng Vũ Hoạt - Hà Thị Đức, (2004), <i>Lí luận dạy học đại học</i> , NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội. | [10] <i>Bách khoa toàn thư mở Wikipedia</i> , <a href="https://vi.Wikipedia.org/wiki">https://vi.Wikipedia.org/wiki</a> .   |
| [5] Nguyễn Hiến Lê, (2007), <i>Kim chi nam của học sinh</i> , NXB Văn hóa Thông tin.                 |   |
| [6] Nguyễn Hiến Lê, (2007), <i>Tự học một nhu cầu của thời đại</i> , NXB Văn hóa Thông tin.          |   |

## EXPERIENCES ON LEARNING METHOD IN HIGHER EDUCATION

### Vũ Thị Thùy Dung

National Academy of Public Administration  
No. 77 Nguyen Chi Thanh St., Dong Da,  
Hanoi, Vietnam  
Email: thuydungvanban@gmail.com

**ABSTRACT:** *The article aims to share the experience of higher - education learning methods, which will help students at this level, especially those who are taking continuous learning courses, to gain the additional necessary skills for the training program they are pursuing. Presenting the nature of training types in terms of correlation and difference between higher-education and high school level, the author shares the experiences on methods of learning used in Higher Education such as self-learning, study as a vocational expert, study as scientific researchers and inventors. Through these methods, the student can confidently and proactively approach and apply learning/researching methods effectively.*

**KEYWORDS:** Experience; method of study; Higher education.